TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DSST
Ngày 12-6-2025
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Liêm
2. Bà Lê Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Diệu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025, về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín; địa chỉ trụ sở: số 266-268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạnh D - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn S - Giám đốc Chi nhánh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Huỳnh Viết T - Phó giám đốc chi nhánh Quảng Nam và ông Phạm Ngọc T - Chuyên viên quản lý nợ - Chi nhánh Quảng Nam; địa chỉ: Lô 8, Khu Trung tâm Thương mại, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Ông T có mặt.

2. Bị đơn: bà Phạm Thị Tuyết T, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Bà T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Ngọc T trình bày:

Bà Phạm Thị Tuyết T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Quảng Nam hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, số thẻ tín dụng 472074-0524 với hạn mức 25.000.000 đồng ngày 25/8/2022, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp tín dụng, bà T đã sử dụng thẻ giao dịch nhiều lần. Nhưng sau một thời gian, bà T không hợp tác thanh toán cho Ngân hàng, tổng số tiền bà T đã giao dịch sử dụng là 43.467.000 đồng, tổng số tiền bà T thanh toán là 28.519.249 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo quy định tại mục 18 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 10/7/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T, chuyển toàn bộ dư nợ tiền gốc sang nợ quá hạn theo quy định. Tính đến ngày 30/7/2024, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 24.111.720 đồng và lãi quá hạn là 1.124.800 đồng. Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ này nhưng bà T vẫn không hợp tác. Nay Ngân hàng vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà T phải thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng tính đến hết ngày 11/6/2025, tổng cộng số tiền bà T còn nợ Ngân hàng là 32.322.846 (Ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó có tiền gốc quá hạn là 24.111.720 đồng và tiền lãi quá hạn là 8.211.126 đồng; đồng thời bà T phải thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng.

- Đối với bị đơn bà Phạm Thị Tuyết T: Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên, bà T không đến Toà án làm việc, cố tình trốn tránh nên Toà án không thể tiến hành lấy lời khai. Trong quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh bà T có mặt tại địa phương, nhưng bà T không có ý kiến hay lời khai gì liên quan đến nội dung vụ án. Vì vậy, Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ theo trình tự thủ tục các bước tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Quảng Nam, buộc bà Phạm Thị Tuyết T phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Quảng Nam tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung vụ án:

[1.1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Quảng Nam khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết T trả tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết T có nơi cư trú tại xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Về nội dung:

Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/8/2022 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với bà Phạm Thị Tuyết T, thể hiện bà T đã mở sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức 25.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Xét hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/8/2022 ký kết giữa Ngân hàng và bà Phạm Thị Tuyết T đảm bảo về hình thức, nội dung, điều kiện có hiệu lực được quy định tại các Điều 385, 398, 401, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đã thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình sử dụng thẻ, bà T đã nhiều lần thực hiện giao dịch, tính đến ngày 10/5/2024 tổng số tiền sử dụng là 43.467.000 đồng, nhưng bà T mới thanh toán tổng số tiền là 28.519.249 đồng, sau đó bà T không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhắc nhở nhưng bà T vẫn không tiếp tục thanh toán. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo quy định tại mục 18 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 10/7/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T, chuyển toàn bộ dư nợ tiền gốc sang nợ quá hạn (theo quy định tại mục 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Theo tóm tắt sao kê của Ngân hàng thể hiện, số tiền lãi quá hạn phát sinh tính đến hết hết ngày 11/6/2025 là 8.211.126 đồng và nợ gốc quá hạn 24.111.720 đồng bà T chưa thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn bà T đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đối chiếu khoản nợ nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, bà T cũng không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng về khoản nợ vay nêu trên.

Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nội dung tình tiết của nguyên đơn đưa ra được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị

đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu bà T trả nợ vay tính đến hết ngày 11/6/2025 là 32.322.846 đồng (trong đó có tiền gốc quá hạn 24.111.720 đồng và tiền lãi quá hạn 8.211.126 đồng) là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng.

[2] Về án phí: Theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bà Phạm Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 401, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, buộc bà Phạm Thị Tuyết T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Quảng Nam số tiền là 32.322.846 (Ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn là 24.111.720 (Hai mươi bốn triệu một trăm mười một nghìn bảy trăm hai mươi) đồng và nợ lãi quá hạn là 8.211.126 (Tám triệu hai trăm mười một nghìn một trăm hai mươi sáu) đồng (tính đến hết ngày 11/6/2025).

Kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2025, bà Phạm Thị Tuyết T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền gốc còn nợ, theo mức lãi suất quy định đối với thẻ tín dụng mở theo hợp đồng tín dụng ngày 25/8/2022 đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Quảng Nam và bà Phạm Thị Tuyết T, cho đến khi bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị Tuyết T phải chịu 1.616.000 (Một triệu sáu trăm mười sáu nghìn) đồng.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Quảng Nam được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 631.000 *(Sáu trăm ba mươi mốt nghìn)* đồng

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018095 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/6/2025); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Quân